

Bản án số: 166/2019/HSST.  
Ngày: 27/11/2019.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Phạm Quang Thái;

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Nguyễn Văn Gia.

2. Bà Dương Thị Hồng.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:***

Bà Bùi Thị Bích Thảo - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 163/ 2019/ TLST-HS, ngày 08 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019, đối với bị cáo: Họ và tên: **Nguyễn Văn P**, (tên gọi khác: Không), sinh năm 1995 tại huyện P, tỉnh Thái Nguyên;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Xóm T, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nơi ở trước khi phạm tội: Xóm K, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn C và bà: Nguyễn Thị M; Chưa có vợ con; Tiền án: Tại bản án hình sự số 35/2015/HSST ngày 17/12/2015 của tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn, xử phạt Nguyễn Văn P 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Nguyễn Văn P chấp hành xong khoản án phí tháng 03/2016); Tại bản án hình sự số 78/2016/HSST ngày 21/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Nguyễn Văn P 09 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” (Nguyễn Văn P chưa chấp hành xong phần án phí); Tại

bản án hình sự số 29/2018/HSST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Nguyễn Văn P 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bị cáo chưa chấp hành xong phần án phí); Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/8/2019 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

- **Bị hại:** Anh Đồng Văn B, sinh năm 1986 (Có mặt).

Trú tại: Xóm T, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1992 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi đăng ký HKTT: Xóm T, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Xóm K, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Ông Phan Văn H, sinh năm 1962 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Xóm M, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- **Người làm chứng:**

Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Trú tại: Thôn Long V, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 23/08/2019, Nguyễn Văn P đi bộ một mình đến Xóm T, xã X mục đích để xem có ai sơ hở trong quản lý tài sản thì sẽ trộm cắp bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. Khi Phúc đi qua nhà một hộ gia đình bên cạnh đường (sau xác định là nhà anh Đồng Văn B), lúc này nhà anh Đồng Văn B đã tắt điện, đóng cửa đi ngủ. Nguyễn Văn P quan sát thấy trong sân nhà anh Đồng Văn B có dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS: 20G1-07312. Quan sát xung quanh thấy không có người, nên Nguyễn Văn P đi vào sân nhà anh Đồng Văn B để trộm cắp chiếc xe mô tô trên rồi dắt chiếc xe trên về nhà mình. Theo Nguyễn Văn P khai, do không biết chỗ nào bán xe nên Phúc đi bộ đến nhà Nguyễn Văn L, ở cùng xóm với Nguyễn Văn P nhờ Lập sang mở khóa xe giúp và đưa Phúc đem xe đi bán. Khi gặp Lập, Nguyễn Văn P có nói với Lập: “Anh Lập, em vừa lấy trộm được cái xe, anh biết mở khóa thì mở cho em, xong rồi anh biết bán ở đâu thì anh mang đi bán, bán được bao nhiêu anh em mình chia đôi” Lập đồng ý. Sau đó, Lập bảo Nguyễn Văn P về tháo biển số vứt đi, tháo mặt nạ xe ra để đấu điện, Phúc quay về nhà tháo biển số xe ra để ở đầu nhà mình, rồi tháo mặt nạ ra để đấu dây điện, nhưng không được. Nên Nguyễn Văn P dắt chiếc xe mô tô trên

sang nhà Lập nhờ Lập đầu điện giúp, nhưng Lập cũng không đầu được nên Lập bảo Nguyễn Văn P ngủ lại nhà Lập. Đến khoảng 05 giờ sáng thì Phúc dậy đi về nhà mình.

Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, khi Nguyễn Văn P đang ở nhà thì thấy Lập điều khiển xe mô tô do mình trộm cắp đến và bảo “Đi”, Nguyễn Văn P hiểu ý Lập bảo thế là đi bán xe nên Phúc đi cùng Lập đến nhà nghỉ Thanh Sơn thuộc xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang gặp ông Phan Văn H (là người quản lý nhà nghỉ). Tại đây, Lập đã cầm cố chiếc xe mô tô trên cho ông Hải được 1.000.000 đồng. Nhận tiền xong, theo Lập khai Lập đi lên tầng hai của nhà nghỉ gặp một người bạn của Lập không nhớ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể trả cho người này 400.000 đồng. Sau đó, Lập và Nguyễn Văn P thuê xe ôm về huyện P, khi về đến khu vực gần cầu Mây, Lập xuống mua 01 thẻ điện thoại hết 50.000 đồng, 01 bao thuốc lá hết 20.000 đồng rồi Lập về nhà.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, anh Đồng Văn B đã trình báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P đề nghị giải quyết.

Tại bản kết luận định giá số 47/KL - ĐG ngày 27/8/2019 hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh – đen – bạc, BKS 20G1 - 073.12 đã qua sử dụng có giá trị là 6.000.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Văn P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Vật chứng của vụ án là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS: 20G1-07312, hiện đã thu hồi và trả lại cho anh Đồng Văn B là chủ sở hữu quản lý, sử dụng. Đối với 01 chùm chìa khóa gồm 05 chìa bằng kim loại, và 01 dụng cụ lấy ráy tai bằng kim loại, được nối với nhau bằng 02 vòng kim loại thu giữ của Nguyễn Văn L. Quá trình điều tra xác minh chùm chìa khóa đó không liên quan đến hành vi phạm tội nên đã trả lại cho Lập quản lý, sử dụng.

Về phần dân sự: Người bị hại là anh Đồng Văn B, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Phan Văn H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị bồi thường.

Bản cáo trạng số 175/CT-VKSPB, ngày 08/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt Nguyễn Văn P từ 3 đến 4 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận tại tòa bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án bị cáo nói lời sau cùng, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm được đoàn tụ với gia đình.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện, đầy đủ chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1].** Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, cơ quan điều tra Công an huyện P; của Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

**[2].** Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản sự việc, kết quả giám định và lời khai của những người tham gia tố tụng khác.

Như vậy có đủ cơ sở xác định: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 23/8/2019, tại Xóm T, xã X, huyện P. Bị cáo Nguyễn Văn P đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave BKS: 20G1-073.12 có giá trị 6.000.000 đồng của anh Đồng Văn B. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi đã có ba tiền án chưa được xóa án tích, do đó phải chịu tình tiết định khung hình phạt quy định tại

điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự là “tái phạm nguy hiểm”. Do đó, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

**Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:**

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*...*

*2. Phạm tội một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

*...*

*g) Tái phạm nguy hiểm.*

**[3].** Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự trị an xã hội ở địa phương. Bị cáo có nhân thân rất xấu, đã bị Tòa án kết án 3 lần chưa được xóa án tích, nhưng các lần kết án của bị cáo đã được sử dụng làm tình tiết định khung nên không được coi là tình tiết tăng nặng. Do đó bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và được hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Vì vậy dù có xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo, nhưng xét tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo, cần có một mức án phù hợp và cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội.

**[4]** Mức án mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P đề nghị nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp

**[5].** Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo Phúc không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, lại là đối tượng

nghiện chất ma túy, đang ở cùng với gia đình nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

**[6].** Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra người bị hại là anh Đồng Văn B, đã nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh - đen - bạc BKS 20G1-073.12; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Phan Văn H đã nhận lại tài sản, và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[7].** Liên quan trong vụ án này có Nguyễn Văn L là người đi cùng Nguyễn Văn P đem chiếc xe mô tô do Nguyễn Văn P trộm cắp được đi cầm cố lấy tiền ăn tiêu, theo Phúc khai có nói cho Lập biết về nguồn gốc chiếc xe trên do Nguyễn Văn P trộm cắp mà có; Phan Văn H là người đã nhận cầm cố chiếc xe do Phúc trộm cắp được. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định: Bản thân Nguyễn Văn L khai không biết chiếc xe mô tô trên do Nguyễn Văn P trộm cắp mà có, ngoài lời khai của Nguyễn Văn P không có tài liệu khác để chứng minh. Khi nhận cầm cố chiếc xe mô tô trên, Nguyễn Văn P và Lập không nói cho Hải biết về nguồn gốc chiếc xe, Phan Văn H cũng không biết chiếc xe trên do Nguyễn Văn P trộm cắp, nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P không xử lý đối với Nguyễn Văn L và Phan Văn H là có căn cứ.

**[8].** Về bắt tạm giam bị cáo sau khi tuyên án: Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Ra quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Văn P với thời hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**[9].** Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**[10].** Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về hình phạt chính: Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt chính: Xử phạt Nguyễn Văn P 3 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/8/2019.
3. Về bắt tạm giam bị cáo sau khi tuyên án: Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Ra quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Văn P với thời hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.
4. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.
5. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận anh Đồng Văn B và ông Phan Văn H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường.
6. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm nộp sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo; bị hại; vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với những người có mặt; trong hạn 15 ngày kể từ ngày người vắng mặt nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng của những người vắng mặt.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện P;
- Sở Tư pháp Thái Nguyên;
- Cơ quan điều tra CA huyện P;
- CQTHAHS Công an huyện P;
- CC T.H.A DS huyện P;
- Bị cáo; Bị hại; những người có QLNVLQ;
- Lưu: HS; VP; T.H.A HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Quang Thái**

## **QUYẾT ĐỊNH ĐƯA VỤ ÁN RA XÉT XỬ**

### **TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH - TỈNH THÁI NGUYÊN**

Căn cứ vào các Điều 45, 255 và 277 của Bộ luật Tố tụng hình sự;  
Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 154/2019/ TLST - HS  
ngày 31 tháng 10 năm 2019.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Điều 1**

**Đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đối với bị cáo:**

**Nguyễn Văn Lưu**, Sinh năm 1997

Nơi đăng ký HKTT và Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố Thom, Thị trấn Hương  
Sơn, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Bị Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên

Truy tố về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ  
luật Hình sự.

Thời gian mở phiên tòa: **08 giờ 00 phút ngày 28 tháng 11 năm 2019.**

Địa điểm mở phiên tòa: Tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P,  
tỉnh Thái Nguyên.

Vụ án được xét xử công khai.

#### **Điều 2**

##### **1. Những người tiến hành tố tụng:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Quang Thái

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hải

2. Ông Vũ Ngọc Dũng

Hội thẩm nhân dân sự khuyết:

Ông Nguyễn Văn Hưng

Ông Nguyễn Văn Gia

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Minh Hải, cán bộ Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:* Ông *Lưu*  
*Nguyễn Vũ* - Kiểm sát viên.

**2. Những người tham gia tố tụng:**

- **Bị cáo:** Nguyễn Văn Lưu

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Lưu: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh,  
sinh năm 1986

Địa chỉ: Văn phòng luật sư Minh Bạch Quốc tế tại Thái Nguyên

- **Bị hại:** Anh Bùi Văn Thiện, sinh năm 1989

Nơi thường trú: Xóm Mít, xã Nhã Lộng, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

- **Người làm chứng:**

1. Anh Lê Đăng Cường, sinh năm 1989

Nơi thường trú: Xóm Soi 1, xã Nhã Lộng, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

2. Anh Nguyễn Văn Toàn, sinh năm 1992

Nơi thường trú: Xóm Mít, xã Nhã Lộng, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

3. Anh Lê Văn Hoàng, sinh năm 1983

Nơi thường trú: Xóm Đô, xã Nhã Lộng, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

4. Bùi Ngọc Khánh, sinh ngày 10/9/2011

Nơi thường trú: Xóm Thuần Pháp, xã Diềm Thụy, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

5. Chị Phạm Thị Hằng, sinh năm 1990

Nơi thường trú: Tổ 2, thị trấn Hương Sơn, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

6. Chị Phạm Thị Thúy Luận, sinh năm 1998

Nơi thường trú: Tổ dân phố Soi, phường Lương Sơn, TP Sông Công, tỉnh Thái  
Nguyên

7. Nguyễn Văn Luân, sinh năm 1970

Nơi thường trú: Tổ dân phố Thơm, thị trấn Hương Sơn, huyện P, tỉnh Thái  
Nguyên.

8. Chị Lúc Thị Hơ, sinh năm 1997

Nơi thường trú: Tổ dân phố Thơm, thị trấn Hương Sơn, huyện P, tỉnh Thái  
Nguyên

9. Hoàng Ngọc Mẫn, sinh năm 1986

Nơi thường trú: Xóm Vực Giàng, xã Tân Hòa, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

10. Mạ Văn Quyền  
Nơi thường trú: Xóm Đồng Bầu Trong, xã Tân Thành, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
11. Lê Đức Mạnh  
Nơi thường trú: Xóm Vực Giăng, xã Tân Hòa, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
12. Dương Viết Nguyên, sinh năm 1991  
Nơi thường trú: TDP Đình Xuốc, TT Hương Sơn, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
13. Anh Nguyễn Khắc Đông, sinh năm 1988  
Nơi thường trú: TDP Thị Đua, TT Hương Sơn, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
14. Hoàng Văn Việt  
Nơi thường trú: Xóm Vực Giăng, xã Tân Hòa, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
15. Dương Văn Duy  
Nơi thường trú: Xóm Cầu Gỗ, xã Bảo Lý, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
16. Anh Lương Quang Hoàng, sinh năm 1972  
Nơi thường trú: Xóm Phú Mỹ, xã Lương Phú, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
17. Nguyễn Văn Trọng  
Nơi thường trú: Xóm Vầu, xã Tân Hòa, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
18. Anh Nguyễn Xuân Ngân, sinh năm 1980  
Nơi thường trú: Xóm Trại Điện, xã Kha Sơn, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
19. Nguyễn Văn Dương, sinh năm 1995  
Nơi thường trú: Tổ dân phố Thơm, thị trấn Hương Sơn, huyện P, tỉnh Thái Nguyên
20. Dương Thị Tuyến, sinh năm 1990  
Nơi thường trú: Xóm Thuần Pháp, xã Diềm Thụy, huyện P, tỉnh Thái Nguyên
21. Bà Dương Thị An, sinh năm 1965  
Nơi thường trú: Xóm Mịt, xã Nhã Lộng, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
22. Bùi Văn Lương, sinh năm 1986  
Nơi thường trú: Xóm Mịt, xã Nhã Lộng, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
23. Bùi Văn Tư, sinh năm 1972  
Nơi thường trú: Xóm Mịt, xã Nhã Lộng, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
24. Nguyễn Hồng Minh, sinh năm 1973  
Nơi thường trú: Tổ dân phố Thi Đua, thị trấn Hương Sơn, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

25. Ông Dương Văn Tiến, sinh năm 1955

Nơi thường trú: Xóm Mít, xã Nhã Lộc, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

26. Hoàng Văn Việt, sinh năm 1975

Nơi thường trú: Xóm Vực Giăng, xã Tân Hòa, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

27. Bà Phạm Thị Vân, sinh năm 1970

Nơi thường trú: Tổ dân phố Thơm, thị trấn Hương Sơn, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

28. Nguyễn Thị Lan Anh, sinh năm 1991

Nơi thường trú: Tổ dân phố Thơm, thị trấn Hương Sơn, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

29. Đào Thị Thùy Linh, sinh năm 1994

Nơi thường trú: Xóm Vực Giăng, xã Tân Hòa, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

30. Lý Văn Mùa, sinh năm 1989

Nơi thường trú: Xóm Cà, xã Tân Hòa, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

31. Dương Văn Phú, sinh năm 1988

Nơi thường trú: Xóm Soi 2, xã Úc Kỳ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

32. Chị Dương Thị Tuyền, sinh năm 1990 (Người đại diện hợp pháp của người làm chứng Bùi Khánh Ngọc)

Nơi thường trú: Xóm Thuần Pháp, xã Diềm Thụy, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

**3. Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa: Không.**

**Nơi nhận:**

- VKS ND huyện P ;
- Bị cáo.
- Những người tham gia tố tụng khác
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Quang Thái**

